

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 21.08.2018

Phiên bản 1.4

## Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	104718
Tên sản phẩm	Isooctane for spectroscopy Uvasol®
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	540-84-1

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích  Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck ( <a href="http://www.merckgroup.com">www.merckgroup.com</a> ).
--	---

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

## Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Kích ứng da, Nhóm 2, H315

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ thần kinh trung ương, H336

Nguy cơ hô hấp, Nhóm 1, H304

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H315 Gây kích ứng da.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

**Ghi nhãn bị giảm ( $\leq 125$  ml)**

*Hình đồ cảnh báo nguy cơ*



*Lời cảnh báo*

Nguy hiểm

*Cảnh báo nguy hiểm*

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

*Các lưu ý phòng ngừa*

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

Số CAS

540-84-1

## 2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Công thức

$\text{CH}_3\text{C}(\text{CH}_3)_2\text{CH}_2\text{CH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$

$\text{C}_8\text{H}_{18}$  (Hill)

Số EC

208-759-1

Khối lượng mol

114,23 g/mol

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 104718  
Tên sản phẩm Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

## Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

*Tên hóa học (Nồng độ)*

Số CAS Số đăng ký Phân loại

isooctane (<= 100 % )

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

540-84-1 \*)

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Kích ứng da, Nhóm 2, H315

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ ), Nhóm 3, H336

Nguy cơ hô hấp, Nhóm 1, H304

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

\*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

## 3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

---

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rủi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng.

Gọi bác sĩ ngay lập tức. Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Buồn ngủ, tình trạng lơ mơ

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Thường áp dụng cho các aliphatic hydrocacbon có 6 - 18 nguyên tử cacbon có thể gây viêm phổi, ở một số trường hợp còn gây phù phổi do hít phải trực tiếp, đó là các bệnh chỉ có thể xảy ra ở các trường hợp rất đặc biệt (phun khí dung, phun sương, hít phải khí dung và chất tương tự). Sau khi hấp thụ một lượng rất lớn: mê man.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

---

## Phần 5. Các biện pháp cứu hòa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

*Các phương tiện chữa cháy phù hợp*

Carbon điôxit (CO<sub>2</sub>), Bột, Bột khô

*Các phương tiện chữa cháy không phù hợp*

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ môi trường.

Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

### 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hòa

*Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa*

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

*Thông tin khác*

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

---

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Sử dụng cẩn thận vật chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ: Chemizorb®). Vứt bỏ đúng cách. Vệ sinh khu vực bị ảnh hưởng.

## 6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

---

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

*Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn*

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

*Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ*

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

*Các biện pháp vệ sinh*

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

*Điều kiện lưu trữ*

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 104718  
Tên sản phẩm Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

## 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

---

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

#### *isooctane (540-84-1)*

VN OEL	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	300 mg/m <sup>3</sup>
	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	1.400 mg/m <sup>3</sup>
	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	900 mg/m <sup>3</sup>

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

#### Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

#### Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

#### *Bảo vệ mắt/mặt*

Kính bảo hộ

#### *Bảo vệ tay*

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,40 mm

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 104718  
Tên sản phẩm Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Thời gian thấm: > 480 min  
tiếp xúc một lượng nhỏ:  
Chất liệu găng tay: polychloroprene  
Độ dày của găng: 0,65 mm  
Thời gian thấm: > 120 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 730 Camatril® -Velours (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 720 Camapren® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

#### *Thiết bị bảo hộ khác*

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

#### *Bảo vệ hô hấp*

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

#### **Kiểm soát phơi nhiễm môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Nguy cơ nổ.

---

## **Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học**

### **9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

Hình thể thể lỏng  
Màu sắc không màu



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 104718  
Tên sản phẩm Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Mùi đặc trưng	giống benzin
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	trung tính
Điểm nóng chảy	-107 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	99 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	-12 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	1 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	6 %(V)
Áp suất hóa hơi	51 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	3,9
Mật độ	0,69 g/cm <sup>3</sup> ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	0,56 mg/l ở 25 °C

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	104718
Tên sản phẩm	Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

Hệ số phân tán: n-octanol/nước log Pow: 4,09  
(được finh)  
Khả năng tích lũy sinh học

Nhiệt độ tự bốc cháy Không có thông tin.

Nhiệt độ phân hủy Không có thông tin.

Độ nhớt, động lực 0,50 mPa.s  
ở 20 °C

Đặc tính cháy nổ Không được phân loại là dễ nổ.

Đặc tính ôxy hóa không

## 9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy 410 °C

Nồng độ hơi bão hòa 239 g/m<sup>3</sup>  
ở 20 °C

---

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

### 10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

### 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Các chất oxy hóa mạnh

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

Làm ấm.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

đồ nhựa khác nhau

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

---

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

*Độc tính cấp theo đường miệng*

LD50 Chuột: > 2.500 mg/kg

IUCLID)

*Độc tính cấp do hít phải*

LC50 Chuột: 37,5 mg/l; 4 h

IUCLID)

Triệu chứng: kích thích màng nhầy

*Độc tính cấp qua da*

Thông tin này không có sẵn.

*Kích ứng da*

Phơi nhiễm nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da và viêm da do đặc tính tẩy nhờn của sản phẩm.

Gây kích ứng da.

*Kích ứng mắt*

Hư hỏng có thể:

Kích ứng nhẹ

*Nhạy cảm*

Thông tin này không có sẵn.

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

## *Biến đổi tế bào gốc*

*Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm*

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú):

Kết quả: Âm tính

IUCLID)

## *Độc tính gây ung thư*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính đối với sinh sản*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính gây quái thai*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)*

Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương

## *Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần*

Thông tin này không có sẵn.

## *Nguy cơ hô hấp*

Nguy cơ hô hấp, Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.

## 11.2 Thông tin khác

Thường áp dụng cho các aliphatic hydrocarbon có 6 - 18 nguyên tử cacbon có thể gây viêm phổi, ở một số trường hợp còn gây phù phổi do hít phải trực tiếp, đó là các bệnh chỉ có thể xảy ra ở các trường hợp rất đặc biệt (phun khí dung, phun sương, hít phải khí dung và chất tương tự). Sau khi hấp thụ một lượng rất lớn: mê man.

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

---

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

Tờ Dữ Liệu An toàn cho mục danh mục sẵn có tại [www.merckgroup.com](http://www.merckgroup.com)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

## 12.1 Độc tính

*Độc đối với cá*

LC0 *Leuciscus idus* (orfe vàng): 500 mg/l; 48 h

(MSDS bên ngoài)

*Độc tính đối với vi khuẩn*

EC0 *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*): 10.000 mg/l

IUCLID)

## 12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

*Hệ số phân tán: n-octanol/nước*

log Pow: 4,09

(được tính)

Khả năng tích lũy sinh học

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

*Phân bố trong các môi trường khác nhau*

log Koc: 4,35

(HSDB) Sự chuyển động cao của chất trong đất là không mong muốn (log koc  $\geq 3$ ).

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

## 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

*Hằng số Henry*

305000 Pa\*m<sup>3</sup>/mol

(HSDB) Thường phát tán trong không khí.

*Các thông tin sinh thái khác*

Hiệu ứng sinh học:

Gây nguy hiểm cho nguồn cấp nước uống nếu được phép xâm nhập vào đất và/hoặc nước ở lượng lớn.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

### *Các phương pháp xử lý chất thải*

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

### Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1262
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	OCTANES
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

### Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

### Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1262
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	OCTANES
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	104718
Tên sản phẩm	Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

**14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng** không

## Vận tải đường biển (IMDG)

**14.1 Số UN** UN 1262

**14.2 Tên vận chuyển thích hợp** OCTANES

**14.3 Hạng** 3

**14.4 Nhóm đóng gói** II

**14.5 môi trường độc hại** có

**14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng** có

EmS F-E S-E

**14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC**

Không liên quan

---

## Phần 15. Thông tin pháp luật

**15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp**

*Luật pháp quốc gia*

Lớp cất giữ 3

## 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

## Phần 16. Các thông tin khác

### Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H225	Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H304	Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
H315	Gây kích ứng da.
H336	Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.
H410	Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

### Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

### Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H315 Gây kích ứng da.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104718

Tên sản phẩm

Isooctane for spectroscopy Uvasol®

---

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

## Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

---

*Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.*